TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2019/DS-ST
Ngày: 06/6/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự "Mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thùy Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21//2019/QĐST – DS ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T (Nam T), sinh năm: 1972 (Chủ đại lý Nam T) (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 04, ấp PH, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm: 1969 (Vắng mặt không có lý do).

Nơi cư trú: Ấp 7 X II, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/8/2018, bản tự khai ngày 30/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày và yêu cầu như sau*:

Từ trước năm 2012, bà Huỳnh Thị M có đến đại lý vật tư nông nghiệp Nam T (*do ông T làm chủ đại lý*) mua nhiều lần phân bón, thuốc bảo vệ thực vật về để sử dụng. Lãi suất là 2%/tháng. Thỏa T thời gian trả là khi hết mùa lúa. Từ khi chốt nợ vào ngày 25/11/2012 với số tiền gốc là 10.756.000 đồng đến nay thì bà M đã nhiều lần hứa thanh toán nợ nhưng bà M vẫn không thanh toán kể cả gốc và lãi. Tính đến nay, bà M còn nợ ông T tổng cộng số tiền là 25.591.000 đồng (*trong đó tiến gốc là*

10.756.000 đồng và trả tiền lãi từ ngày 25/11/2012 cho đến tháng 8/2018 là 14.835.000 đồng). Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị M trả 01 lần cho ông số tiền nói trên.

** Theo bản tự khai ngày 24/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày như sau*:

Bà M xác nhận, bà có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại đại lý Nam T (do ông T làm chủ) về để sử dụng từ năm 2012 và tính đến nay bà còn nợ ông T số tiền 25.591.000 đồng (trong đó tiền gốc là 10.756.000 đồng và trả tiền lãi là 14.835.000 đồng) chưa trả.

Do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên bà xin được trả dần trong thời gian 02 năm là hết số tiền gốc (bắt đầu trả vào Tết nguyên đán năm 2020 là 05 triệu đồng, Tết nguyên đán năm 2021 là 5.756.000 đồng). Đối với tiền lãi thì mỗi năm tiếp theo trả 05 triệu đồng cho đến khi hết nợ.

* *Tại phiên tòa*:

Ông T yêu cầu: Tòa án giải quyết, buộc bà Huỳnh Thị M trả cho ông 01 lần số tiền gốc là 10.756.000 đồng, đối với số tiền lãi ông yêu cầu tính theo quy định của pháp luật (*từ ngày 25/11/2012 cho đến tháng 8/2018 là 69 tháng x 1,66%/tháng là 12.319.881 đồng*). Tổng cộng là 23.075.881 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi mốt đồng*) sau khi án có hiệu lực. Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì thêm.

Bà M vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T (chủ đại lý Nam T) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Huỳnh Thị M (*có nơi cư trú tại ấp 7 X II, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang*) trả tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật mà bà còn nợ. Quan hệ pháp luật xảy ra tranh chấp được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Huỳnh Thị M đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng tại phiên tòa bà vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của bà M không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị M.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Từ trước năm 2012, bà M có đến đại lý Nam T (do ông T làm chủ) mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật về để sử dụng. Tại thời điểm mua, 02 bên thỏa T lãi suất là 2%/tháng và thời hạn trả tiền là khi làm hết vụ lúa. Nhưng khi đến thời hạn trả nợ thì bà M không thực hiện việc trả tiền nợ gốc và cũng không trả tiền lãi.

Tính đến tháng 8/2018, bà M còn nợ lại ông T số tiền gốc và tiền lãi là 25.591.000 đồng. Mặc dù, ông T có nhắc nhở số tiền nợ nhiều lần nhưng phía bà M không thực hiện nên ông T khởi kiện.

2.1 Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu bà M trả 01 lần cho ông số tiền là gốc là 10.756.000 đồng (*Mười triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà M xác nhận còn nợ ông T số tiền gốc là 10.756.000 đồng , tiền lãi từ năm 2012 đến nay và bà đồng ý trả theo yêu cầu của ông T. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc giữa ông T và bà M có thỏa T lãi suất là 2%/tháng (tương đương 24%/năm). HĐXX xét thấy, việc thỏa T lãi giữa các đương sự là cao hơn so với quy định nhưng tại phiên tòa, ông T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật và yêu cầu này là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Mức lãi suất được tính như sau là 1,66%/tháng x 69 tháng x 1,66%/tháng là 12.319.881 đồng (*Mười hai triệu, ba trăm mười chín nghìn, tám trăm tám mươi mốt đồng*).

2.2 Xét lời khai nại của bà M về việc bà xin trả dần cho ông T số tiền như ông T yêu cầu. Cụ thể, trong thời gian 02 năm hết số tiền gốc là 10.756.000 đồng, bắt đầu trả tiền gốc vào Tết nguyên đán năm 2020 là 5.000.000 đồng, Tết nguyên đán năm 2021 là 5.756.000 đồng. Đối với tiền lãi thì mỗi năm tiếp theo bà trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

HĐXX xét thấy, việc bà M mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của đại lý Nam T (do ông T làm chủ) từ năm 2012 đến nay mà bà chưa trả hết nợ là bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 440 BLDS năm 2015. Ngoài ra, cách thức và thời gian trả nợ của bà M là kéo dài thời gian làm thiệt thòi quyền lợi của ông T, tại phiên tòa ông T không đồng ý với phương thức trả nợ của bà M và Tòa án cũng không ấn định trong bản án thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Do đó, cần buộc bà M có nghĩa vụ trả tiền cho ông T (chủ đại lý Nam T) tổng cộng là 23.075.881 đồng (*Hai mươi ba triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi mốt đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:

- Buộc bà Huỳnh Thị M phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông T là 23.075.881 đồng x 5% = 1.153.794 đồng (*Một triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm chín mươi bốn đồng*).

- Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn T (chủ đại lý Nam T) được chấp nhận nên hoàn trả lại cho ông số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 639.775 đồng (*Sáu trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng*) theo lai thu số 0006141 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bà Huỳnh Thị M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T (chủ đại lý Nam T) số tiền tổng cộng là tổng cộng số tiền gốc và lãi là 23.075.881 đồng (*Hai mươi ba triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi mốt đồng*), trong đó tiền gốc là 10.756.000 đồng và tiền lãi là 12.319.881 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Huỳnh Thị M phải chịu án phí là 1.153.794 đồng (*Một triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm chín mươi bốn đồng*).

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T (chủ đại lý Nam T) số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 639.775 đồng (*Sáu trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng*) theo lai thu số 0006141 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 06/6/2019).

Riêng bà Huỳnh Thị M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Cẩm Lình